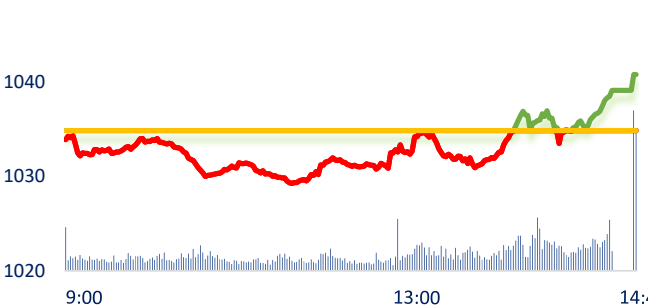
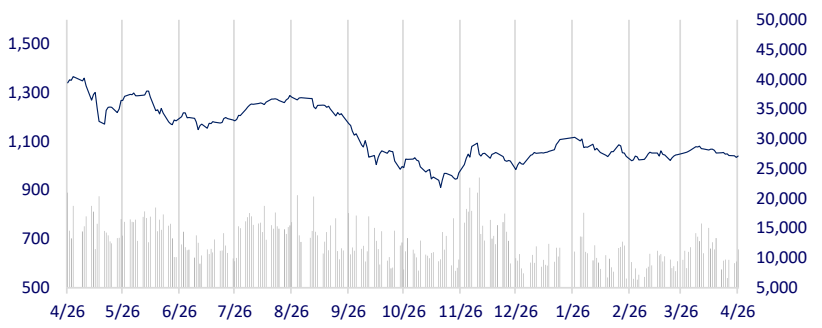
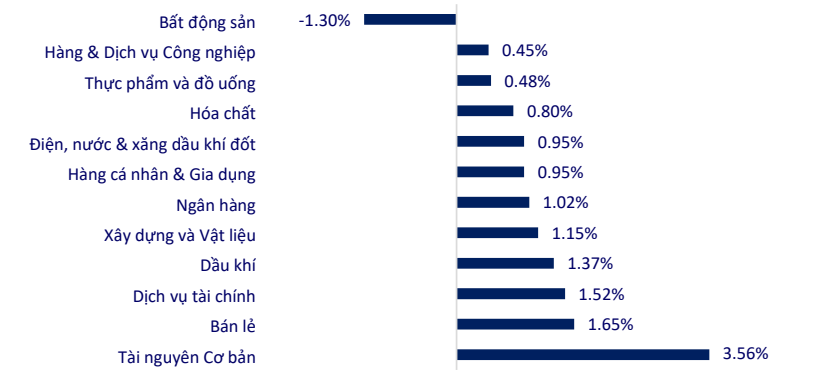


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,040.80	0.57%	3.35%
VN30	1,045.24	0.79%	3.98%
HNX	205.84	0.56%	0.26%
UPCOM	78.01	0.03%	8.88%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	33.37		
Tổng GTGD (tỷ)	13,000.54	11.33%	50.89%

Phiên giao dịch hôm nay, trong khi phiên sáng lực bán chiếm ưu thế khiến VNIndex tạm nghỉ trong sắc đỏ thì đến gần cuối phiên chiều, nhà đầu tư chứng kiến sự đảo chiều của VNIndex khi hầu hết các nhóm ngành đều bật tăng. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên giao dịch hôm qua, tuy nhiên vẫn ở mức thấp hơn so với trung bình 20 phiên giao dịch gần đây.

INTRADAY VNINDEX 26/4/2023

VNINDEX (1Y)

ETF & PHÁI SINH

		1D	YTD
E1FVN30	17,920	1.24%	3.40%
FUEMAV30	12,350	1.31%	3.61%
FUESSV30	12,760	0.08%	2.24%
FUESSV50	16,050	4.22%	14.23%
FUESSVFL	15,660	0.38%	9.13%
FUEVFNVD	22,220	1.00%	-0.80%
FUEVN100	13,150	-0.30%	1.54%
VN30F2312	1,032	0.34%	
VN30F2309	1,032	0.58%	
VN30F2306	1,034	0.52%	
VN30F2305	1,038	0.66%	

THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

		1D	YTD
Nikkei	28,416.47	-0.71%	8.90%
Shanghai	3,264.10	-0.02%	5.66%
Kospi	2,484.83	-0.17%	11.11%
Hang Seng	19,757.27	0.71%	-0.12%
STI (Singapore)	3,293.91	-0.01%	1.31%
SET (Thái Lan)	1,543.95	0.14%	-7.57%
Dầu Brent (\$/thùng)	77.23	-4.36%	-10.10%
Vàng (\$/ounce)	2,010.15	0.15%	10.07%

Chứng khoán châu Á đi ngược chiều phiên 26/4 theo sau đà giảm trên phố Wall do những lo ngại về lĩnh vực ngân hàng và tình hình suy thoái chung. Số liệu tiêu dùng âm ảm và báo cáo lợi nhuận trái chiều đã thúc đẩy những quan ngại trên trong suốt phiên giao dịch ở Mỹ.

KINH TẾ VĨ MÔ

		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	4.52%	-151	-45
Lãi suất tiết kiệm 12T	7.40%	0	0
TPCP - 5 năm	3.04%	-4	-175
TPCP - 10 năm	3.24%	5	-167
USD/VND	23,643	-0.03%	-0.49%
EUR/VND	26,646	0.59%	3.85%
CNY/VND	3,460	0.09%	-0.72%

Cho đến nay về cơ bản mặt bằng lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay của thị trường đã giảm đáng kể, theo đánh giá của NHNN. Cụ thể, hiện nay lãi suất cho vay mới phát sinh đối với nền kinh tế đã giảm 0,6% so với cuối năm 2022 và tiếp tục có xu hướng giảm trong thời gian tới.

LỊCH SỰ KIỆN

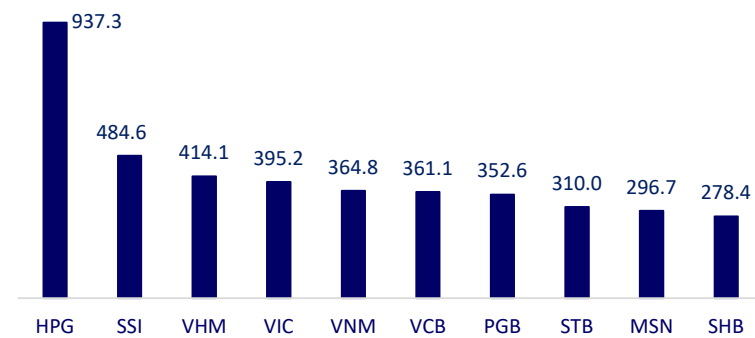
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
FHS	4/26/2023	4/27/2023	5/10/2023	Tiền mặt		900
GIC	4/27/2023	4/8/2023	5/15/2023	Tiền mặt		1,000
UEM	5/4/2023	5/5/2023	5/24/2023	Tiền mặt		1,100
HGM	5/4/2023	5/5/2023	6/30/2023	Tiền mặt		1,500
TB8	5/5/2023	5/8/2023	5/22/2023	Tiền mặt		1,200
DM7	5/5/2023	5/8/2023	5/15/2023	Tiền mặt		700
FMC	5/8/2023	5/9/2023	5/26/2023	Tiền mặt		2,000
DPP	5/9/2023	5/10/2023	5/24/2023	Tiền mặt		1,200

TIN TỨC CHỌN LỌC

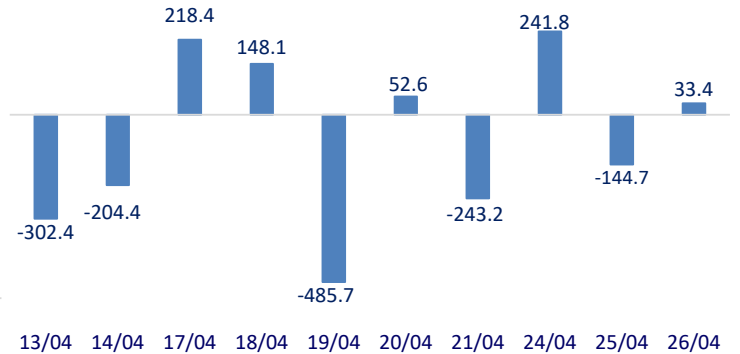
OECD dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,5% trong năm 2023;
 Việt Nam giành lại vị trí số 1 về xuất khẩu đồ nội thất sang Mỹ, nới rộng khoảng cách với Trung Quốc;
 Thủ tướng yêu cầu sớm hoàn thiện phương án giảm 2% thuế VAT;
 Các ngân hàng trung ương cắt giảm hoạt động giao dịch đô la với Fed;
 Tân thống đốc BOJ cam kết giữ lãi suất thấp, nhưng báo hiệu khả năng tăng lãi suất trong tương lai;
 Hàn Quốc đạt mức tăng trưởng thấp trong quý I/2023.

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	89,400	1.25%	1.02%	1,058,035	1,141,624	TPB: Ban lãnh đạo TPBank trình cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2023 với mục tiêu lợi nhuận đạt mức 8.700 tỷ đồng, tăng 11% so với mức thực hiện năm 2022. Để đạt được con số trên, tổng tài sản dự kiến tăng 7% lên 350.000 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động thị trường 1 ước tăng 6% lên 306.960 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu ở mức dưới 2,2% và tỷ lệ an toàn vốn đạt 12,6%.
BID	44,100	1.26%	-0.68%	1,086,532	838,976	
CTG	28,400	-0.35%	-1.05%	6,317,752	6,490,625	
TCB	30,000	3.45%	3.45%	6,023,604	4,575,307	
VPB	19,350	0.26%	-1.78%	20,533,218	15,634,939	
MBB	18,350	0.55%	1.38%	10,661,956	10,001,332	
HDB	18,900	3.00%	-0.79%	3,040,305	2,561,574	
TPB	23,000	1.10%	2.91%	8,755,067	6,645,831	
STB	25,400	1.40%	-0.39%	28,316,954	24,364,372	
VIB	20,450	2.25%	0.00%	5,421,103	4,472,839	
ACB	24,150	0.00%	-1.02%	7,166,156	5,676,010	
NVL	13,950	1.45%	-4.12%	31,335,792	23,525,325	PDR: Vào cuối tháng 3/2023, tổng nợ trái phiếu của Công ty chỉ còn hơn 1,612 tỷ đồng, đầu năm hơn 2,510 tỷ đồng, tức đã giảm gần 36%.
BCM	78,700	0.00%	-0.63%	75,689	98,567	
PDR	13,100	1.16%	-4.38%	9,867,921	7,623,148	PLX: Hoàn tất thoái vốn tại PGB thông qua phương thức đấu giá công khai qua HSX với số lượng 120 triệu cổ phiếu.
GAS	93,400	1.52%	-2.30%	745,703	576,936	
POW	12,800	0.00%	-3.03%	26,574,255	8,785,713	
PLX	36,900	1.37%	1.37%	812,519	958,647	
VIC	51,900	-1.14%	-1.33%	3,310,568	3,718,489	VRE: HĐQT Vincom Retail trình phương án toàn bộ lợi nhuận sẽ được giữ lại sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
VHM	48,000	-4.38%	-4.76%	3,140,449	4,173,531	
VRE	27,500	-0.72%	-2.83%	6,942,764	6,095,148	MSN: Năm 2023, MSN đề ra mục tiêu từ 90,000-100,000 tỷ đồng doanh thu và 4,000-5,000 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. ĐHCĐ đã thông qua mức chia cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ chi trả 8%.
VNM	71,000	1.57%	-1.39%	1,813,048	1,777,088	
MSN	71,400	0.14%	-9.28%	2,283,072	1,697,595	
SAB	171,000	0.00%	0.35%	252,873	322,581	VIC: Trong năm 2023, Vietjet tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng cao về doanh thu trên 25% nhờ khách du lịch quốc tế, khi Trung Quốc mở cửa thị trường Trung Quốc từ ngày 15/03/2023 và Vietjet khai thác các đường bay đến Úc từ tháng 04/2023. Ngoài ra, chi phí nhiên liệu bay đang giảm 30% so với năm 2022 sẽ củng cố khả năng tạo lợi nhuận của Vietjet trong năm 2023. Vietjet kỳ vọng lợi nhuận sau thuế đạt 1,000 tỷ đồng trong năm nay.
BVH	45,850	0.55%	-0.65%	702,482	596,607	
VJC	95,200	-0.73%	-4.90%	332,900	293,899	
FPT	78,300	-0.13%	-1.26%	1,595,838	1,115,944	
MWG	38,400	1.86%	-5.19%	3,825,632	3,348,905	
GVR	15,350	1.66%	1.99%	2,763,513	2,769,315	
SSI	21,350	1.18%	0.23%	39,511,741	30,946,922	
HPG	22,000	4.51%	5.77%	45,128,443	42,463,724	

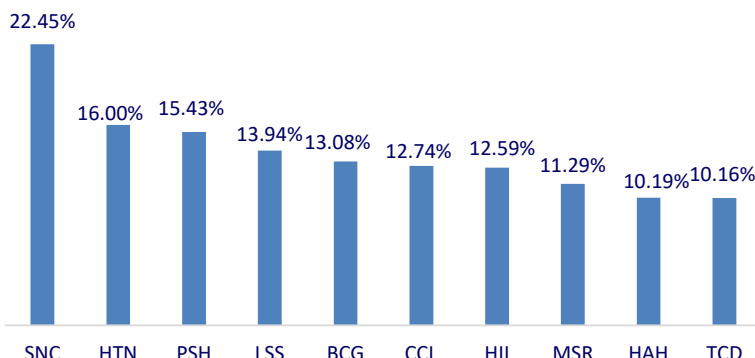
Top CP có tổng giá trị giao dịch cao nhất (tỷ đồng)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên có thanh khoản



Top giảm 3 phiên có thanh khoản

